|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT THẠCH THẤT  ***Nhóm: Văn*** | **MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ MINH HỌA**  **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **Môn: Ngữ văn lớp 10. Năm học 2025 - 2026** |

**A. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

**1. VĂN BẢN TRUYỆN KỂ**

- Nhận biết được các thể loại truyện: thần thoại, truyền kì, truyện ngắn.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời kể (lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật).

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.

- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề (bối cảnh, tình huống truyện, chi tiết tiêu biểu…).

**2. VĂN BẢN THƠ TRỮ TÌNH**

- Nhận biết được thể thơ của văn bản.

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp điệu, đối.

- Chỉ ra và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản thơ.

- Cảm nhận và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**3. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.

- Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận.

- Thấy được mục đích, quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản.

**4. VĂN BẢN SỬ THI**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện.

- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; nhận biết và phân tích được đề tài, chủ đề, các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.

- Nêu được ý nghĩa của văn bản đối với người đọc.

**5. TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.

- Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đối với bản thân.

**PHẦN II. TIẾNG VIỆT**

I. Chỉ ra và phân tích được hiệu quả sử dụng từ Hán Việt trong văn bản.

II. Nhận biết và sửa được lỗi sai về việc dùng từ, trật tự từ.

III. Nhận biết và sửa được lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

IV. Nhận biết được các thành phần trích dẫn, cước chú và phần bị tỉnh lược trong văn bản.

**PHẦN III. VIẾT**

I. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện: Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

II. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ.

III. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

**B. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

*Hình thức: Tự luận*

*Thời gian làm bài: 90 phút*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần năng lực** | **Mạch nội dung** | **Số câu** | **Cấp độ tư duy** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng %** |
| ***Số câu*** | ***Tỉ lệ*** | ***Số câu*** | ***Tỉ lệ*** | ***Số câu*** | ***Tỉ lệ*** |
| 1 | Năng lực đọc | Văn bản đọc hiểu | 5 | 2 | 10% | 2 | 20% | 1 | 10% | 40% |
| 2 | Năng lực viết | Viết bài văn nghị luận văn học / nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) | 1 | 15% | | 15% | | 30% | | 60% |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **25%** | | **35%** | | **40%** | | **100%** |
| **Tổng** | | | **6** | **100%** | | | | | | |

**C. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản truyện** | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu trong truyện.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, câu chuyện trong truyện.  - Chỉ ra được nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.  - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Văn bản thơ trữ tình** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ.  - Nhận biết được chủ thể trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được đặc điểm của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.  - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.  - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.  - Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Văn bản sử thi** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Tích trò sân khấu dân gian** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.  - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo.  - Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện của tuồng, chèo.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.  - Lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong tuồng, chèo.  - Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở tuồng, chèo gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. | **2** | **2** | **1** |
| **2** | **Viết** | **1. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện / thơ.** | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | **1\*** | **1\*** | **1** |
|  |  | **2. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ.  - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quan / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực).  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Mô tả, lí giải được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen, quan niệm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm.  - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | **1\*** | **1\*** | **1** |
| **Tổng số câu** | | | | **2** | **2** | **2** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **25%** | **35%** | **40%** |
| **Tổng** | | | | **100%** | | |

**D. ĐỀ MINH HỌA**

**Đề minh họa số 1**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm):**

**Đọc văn bản sau đây và thực hiện các yêu cầu:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Xuân về***  Nguyễn Bính | |
| *Đã thấy xuân về với gió đông, Với trên màu má gái chưa chồng. Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*  *Từng đàn con trẻ chạy xun xoe, Mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe. Lá nõn, nhành non ai tráng bạc? Gió về từng trận, gió bay đi...* | *Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng, Lúa thì con gái mượt như nhung Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng, Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*  *Trên đường cát mịn, một đôi cô, Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.*  *Gậy trúc dắt bà già tóc bạc, Lần lần tràng hạt niệm nam vô.* |
| (Trích từ *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh, NXB Văn học, 1997, tr.351) | |

**Câu 1 *(0.5 điểm)***. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản trên.

**Câu 2 *(0.5 điểm)***.Trong bài thơ,vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên mùa xuân được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào?

**Câu 3 *(1.0 điểm)****.* Phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật so sánh được sử dụng trong câu thơ sau: “*Lúa thì con gái mượt như nhung”.*

**Câu 4 *(1.0 điểm)****.* Nhận xét về bức tranh cuộc sống của con người được thể hiện trong bài thơ khi xuân về.

**Câu 5 *(1.0 điểm)****.*Từ bài thơ, hãy trình bày suy nghĩ của bản thân về việc giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của làng quê Việt Nam trong cuộc sống hiện đại (khoảng 5–7 dòng).

**II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá vẻ đẹp của bài thơ ***Xuân về*** (Nguyễn Bính).

***HƯỚNG DẪN CHẤM***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4.0** |
|  | **1** | Thể thơ: 7 chữ.  Dấu hiệu nhận biết: tất cả các câu trong bốn khổ thơ đều có 7 chữ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.*  *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0.25 điểm*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.* | 0.5 |
| **2** | Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên được thể hiện qua các từ ngữ, hình ảnh: *nắng mới hoe, lá nõn, nhành non, lúa mượt như nhung, hoa bưởi, hoa cam, ngào ngạt hương, bướm vẽ vòng,…*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời được 4-5 từ ngữ, hình ảnh: 0.5 điểm.*  *- Học sinh trả lời được 2-3 từ ngữ, hình ảnh: 0.25 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.* | 0.5 |
| **3** | - Biện pháp so sánh: so sánh vẻ đẹp của *lúa* với *nhung*  - Tác dụng: Biện pháp so sánh “lúa thì con gái mượt như nhung”:  + Gợi hình ảnh cánh đồng lúa tươi tốt, mềm mại, óng ả như tấm nhung, thể hiện vẻ đẹp tràn đầy sức sống của mùa xuân quê hương.  + Thể hiện tình yêu tha thiết của nhà thơ đối với cuộc sống nông thôn.  + Câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, giàu hình ảnh.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm.*  *- Học sinh trả lời 2 ý : 0.5 điểm.*  *- Học sinh trả lời 1 ý hoặc có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0.25 điểm.* | 1.0 |
| **4** | Bức tranh cuộc sống của con người trong bài thơ “Xuân về” (Nguyễn Bính) hiện lên tươi vui, thanh bình và tràn đầy sức sống.  Con người hòa mình vào thiên nhiên mùa xuân: cô gái thôn quê e ấp, trẻ em nô đùa, người dân thong thả nghỉ việc đồng, đi trẩy hội chùa… Tất cả đều toát lên niềm vui, sự yên ả và vẻ đẹp giản dị của làng quê Việt Nam khi xuân đến.  Qua đó, nhà thơ thể hiện tình yêu tha thiết với cuộc sống nông thôn và niềm hạnh phúc trước mùa xuân quê hương.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời 2 ý : 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời 1 ý hoặc có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.* | 1.0 |
| **5** | HS trình bày theo quan điểm cá nhân; có diễn giải phù hợp, diễn đạt rõ ràng.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đưa ra được quan điểm phù hợp, rõ ràng: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời phù hợp nhưng chưa rõ ràng: 0.5 điểm*  *- Học sinh không trả lời được: 0 điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **6.0** |
|  | *a.Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* vẻ đẹp về nội dung và nghệ thuật của bài thơ ***Xuân về*** (Nguyễn Bính) | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết  - Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Bính, bài thơ Xuân về. - Nêu vấn đề: Vẻ đẹp của thiên nhiên, con người và cuộc sống làng quê trong sắc xuân; tâm hồn tinh tế, yêu đời và yêu quê hương của Nguyễn Bính được thể hiện qua hình ảnh, ngôn từ giản dị, gần gũi với đời sống.  Thân bài: Triển khai thành các luận điểm:  **1. Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên mùa xuân:**   * Thiên nhiên trong trẻo, tươi mới: “mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe”, “lá nõn, nhành non”… * Không gian tràn ngập hương sắc: “hoa bưởi hoa cam rụng, ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.”   → Tác giả dùng ngôn ngữ giản dị, giàu nhạc điệu, gợi cảm giác mùa xuân ấm áp, tươi vui, đậm hồn quê.  **2. Vẻ đẹp của con người trong mùa xuân**   * Con người hiện lên với vẻ hồn nhiên, tươi trẻ, tràn đầy sức sống: “màu má gái chưa chồng”, “đôi mắt trong”, “đàn con trẻ chạy xun xoe”… * Cảnh sinh hoạt yên bình, ấm áp tình người: “dân gian nghỉ việc đồng”, “đôi cô yếm đỏ khăn thâm trẩy hội chùa”, “bà già tóc bạc lần lần tràng hạt”… * Con người gắn bó hài hòa với thiên nhiên: cùng vui, cùng sống trong không khí thanh bình của làng quê.   → Bức tranh mùa xuân không chỉ đẹp mà còn đậm bản sắc văn hóa Việt: Vừa có lao động, vừa có lễ hội, vừa có tín ngưỡng dân gian.  → Qua đó thể hiện niềm vui sống, niềm tin yêu vào cuộc đời.  **3. Nghệ thuật thể hiện**   * Thể thơ thất ngôn mềm mại, nhịp nhàng, gần gũi. * Hình ảnh thơ bình dị, ngôn ngữ trong sáng, tự nhiên, nhiều biện pháp tu từ gợi hình, gợi cảm. * Giọng điệu nhẹ nhàng, chan chứa tình yêu quê hương, đậm chất ca dao.   → Tất cả tạo nên vẻ đẹp trữ tình, dân dã, thuần Việt của bài thơ.  Kết bài: Khái quát lại vấn đề, gợi mở thông điệp…  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh trình bày đầy đủ, sâu sắc: 4.5 điểm.*  *- Học sinh trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc:2.5 – 3.5 điểm.*  *- Học sinh trình bày chung chung, chưa rõ: 1.0 – 2.0 điểm.* | 4.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: HS có cảm nhận, đánh giá riêng, mới mẻ; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.  ***Hướng dẫn chấm***  *- Đáp ứng được 02 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm*  *- Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0,25 điểm* | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**Đề minh họa số 2**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm):**

**Đọc văn bản sau đây và thực hiện các yêu cầu:**

Đăm Săn rung khiên múa. Chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên đồng. Chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên kênh. Chàng múa chạy nước kiệu, ba lớp núi liền rạn nứt, ba đồi tranh liền bật rễ tung bay. Chàng chạy vun vút một mình không ai theo kịp. Còn Mtao Grư bước thấp bước cao, chạy trốn mũi giáo thần, mũi giáo dính đầy những oan hồn của Đăm Săn. Hắn nhằm đùi Đăm Săn phóng cây giáo của hắn tới, nhưng chỉ trúng một con lợn thiến.

***Đăm Săn*:** Sao diêng lại đâm con lợn thiến? Còn đùi ta diêng dành làm gì? Đây, diêng hãy xem ta.

Cây giáo thần, cây giáo dính đầy oan hồn của Đăm Săn nhằm đùi kẻ thù phóng tới, đâm vừa trúng đích.

***Đăm Săn*:** Đùi diêng sao lại đỏ thế kia, ơ diêng?

***Mtao Grư*:** Cái viền chăn của vợ hai chúng ta ở nhà đó.

Mtao Grư khập khiễng như gà gẫy cánh, lảo đảo như gà gẫy chân, vừa chạy vừa kêu oai oái ở bãi tây. Hắn tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hắn tránh quanh vườn cam, Đăm Săn phá nát vườn cam. Ba lần hắn chạy trốn về phía đông, ba lần hắn chạy trốn về phía tây, vướng hết thừng trâu đến chão voi. Cuối cùng, không chạy được nữa, hắn ngã lăn quay ra đất. Đăm Săn nhảy tới giẫm lên chém đùi hắn.

***Mtao Grư*:** Khoan, diêng. Hãy khoan, diêng! Để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu.

***Đăm Săn*:** Sao lại khoan? Chân ngươi đã đứt, đùi ngươi đã gãy. Máu ngươi đã chảy lênh láng khắp xóm làng. Đầu ngươi ta sẽ vứt trong rừng tranh. Hàm ngươi ta sẽ bêu ngoài sân cỏ, cho kiến đen kiến đỏ chúng bâu. Ngươi to gan lớn mật. Dám coi mình cao hơn cả non xanh. Vợ ta ngươi cướp, đùi ta ngươi chém, ruột gan ta ngươi moi. Khắp người Ê-đê trên cao, người Bih, người Mnong dưới thấp, khắp tây đông không có một ai như người cả… Hỡi nghìn chim sẻ, hỡn vạn chim ngói. Hỡi tất cả tôi tớ có ở đây, các ngươi có đi với ta không?

***Dân làng*:** Sao chúng tôi lại không đi? Tù trưởng chúng tôi đã chết rồi. Sao chúng tôi lại không đi? Tù trưởng chúng tôi đã rữa ra rồi. Chúng tôi còn ở lại với ai?

Ai phải gọi là ông thì gọi là ông.

***Dân làng*:** Ông ơi, ông! Chờ chúng tôi với. Để chúng tôi hót cái bếp đã.

Ai phải gọi là bác thì gọi là bác.

***Dân làng*:** Bác ơi, bác! Chờ chúng tôi với. Để chúng tôi quét cái nhà đã.

Đăm Săn ra về. Người đi đông như bầy cà-tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Họ đem theo của cải trông như con ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như trai gái đi bến nước của làng gùi nước.

***Đăm Săn*:** Ơ các con, ơ các con. Ai ưng cùm thì chặt cùm. Ai ưng gông thì chặt gông mà mang theo.

***Dân làng*:** Vâng, chúng tôi xin chặt. Chúng tôi sẽ chặt và mang theo cho đến bãi ngoài làng, cho đến sân trong làng ông à.

***Đăm Săn*:** Nào ta có bảo các ngươi chặt thật gông cùm làm gì. Ta chỉ muốn bảo các ngươi chặt lấy cột nhà đem về mà làm nhà ở.

Đoàn người về đến bãi làng, rồi đến sân làng. Người ta lấy rượu năm ché, trâu sổi một con làm lễ cáo thần, cáo tổ tiên, cáo linh hồn các tù trưởng xưa cũ, cầu cho được nạn khỏi tai qua, bình yên vô sự.

***Đăm Săn*:** Ta vừa chiến thắng kẻ thù, bắt tù binh, giẫm nát đất đai của một tù trưởng nhà giàu trở về. Nay vì sức khỏe của ta, ta xin dâng các thần bảy rượu ché, trâu đực bảy con, rượu bảy ché, lợn thiến bảy con; cầu thần phù hộ cho ta ngày càng mạnh càng lớn không ai bì kịp, không ai sánh tày.

Đăm Săn mở hội ăn uống đông vui suốt một mùa khô năm mới. Nay hội đã tan, rượu đã nhạt, ché đã phai, mọi người ra về, ai về nhà nấy.

(Trích ***Đăm Săn*** – Sử thi Tây Nguyên)

**Câu 1 *(0.5 điểm)***:Xác định sự kiện chính của văn bản trên.

**Câu 2 *(0.5 điểm)***:Chỉ ra các chi tiết thể hiện sức mạnh của nhân vật Đăm Săn trong cuộc chiến với Mtao Grư.

**Câu 3 *(1.0 điểm)***: Đặc điểm của lời kể sử thi được thể hiện như thế nào trong văn bản trên?

**Câu 4 *(1.0 điểm)***:Phân tích hiệu quả của biện pháp nghệ thuật so sánh được sử dụng trong hai câu văn sau: “*Người đi đông như bầy cà-tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Họ đem theo của cải trông như con ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như trai gái đi bến nước của làng gùi nước*”.

**Câu 5 *(1.0 điểm)***: Kết thúc cuộc chiến là cảnh dân làng Mtao Grư theo Đăm Săn về và cảnh ăn mừng chiến thắng của Đăm Săn. Suy nghĩ của em về kết thúc trên? Qua đó, người Ê-đê xưa muốn gửi gắm điều gì?

**II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)**

Thức khuya là một thói quen không tốt của nhiều bạn trẻ hiện nay. Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ thói quen đó.

***HƯỚNG DẪN CHẤM***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4.0** |
|  | **1** | Sự kiện chính của văn bản trên: Đăm Săn đánh thắng Mtao Grư, kêu gọi dân làng của Mtao Grư cùng theo về và ăn mừng chiến thắng.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.* | 0.5 |
| **2** | Các chi tiết thể hiện sức mạnh của Đăm Săn trong cuộc chiến với Mtao Grư: *Đăm Săn rung khiên múa. Chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên đồng. Chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên kênh. Chàng múa chạy nước kiệu, ba lớp núi liền rạn nứt, ba đồi tranh liền bật rễ tung bay. Chàng chạy vun vút một mình không ai theo kịp….*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.* | 0.5 |
| **3** | Đặc điểm của lời kể sử thi: Lời kể trong đoạn trích mang đặc trưng của **sử thi anh hùng dân gian Tây Nguyên**.  - Người kể chuyện ở ngôi thứ ba, giọng điệu **trang trọng, linh thiêng**, nhằm tôn vinh người anh hùng Đăm Săn.  - Cách kể thường **phóng đại, cường điệu** (như “ba lớp núi liền rạn nứt”, “ba đồi tranh bật rễ tung bay”) để khắc họa sức mạnh phi thường của nhân vật.  - Lời kể có tính **nhịp điệu, trùng điệp**, giàu chất biểu cảm và hình ảnh; **xen lẫn lời đối đáp, lời ca, lời hô gọi** cộng đồng, làm cho câu chuyện thêm hào hùng và mang đậm tính cộng đồng.  → Qua đó, lời kể góp phần thể hiện vẻ đẹp anh hùng, tinh thần đoàn kết và niềm tự hào của người Ê-đê trong sử thi.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời 2 ý : 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời 1 ý hoặc có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.* | 1.0 |
| **4** | Hai câu văn sử dụng liên tiếp các phép so sánh rất sinh động và giàu hình ảnh: người dân được so sánh với “*bầy cà-tong”, “bầy thiêu thân”, “kiến”, “mối”, “ong”, “vò vẽ”…*  - Đây là những hình ảnh quen thuộc trong đời sống núi rừng, gợi cảm giác đông vui, náo nhiệt, đoàn kết của cộng đồng Ê-đê sau chiến thắng.  - Các so sánh ấy vừa phóng đại quy mô lớn lao của đoàn người, vừa ca ngợi sức mạnh tập thể, tinh thần gắn bó, đồng lòng của dân làng với người anh hùng Đăm Săn.  - Đồng thời, nhịp điệu trùng điệp của các hình ảnh còn tạo nên không khí lễ hội tưng bừng, hân hoan, thể hiện niềm vui chiến thắng và sự tôn vinh người anh hùng. → Biện pháp so sánh đã góp phần làm nổi bật **vẻ đẹp cộng đồng và cảm hứng sử thi hào hùng** của đoạn trích.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời 1 ý : 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời 1 ý hoặc có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.* | 1.0 |
| **5** | HS trình bày suy nghĩ cá nhân, song cần nêu được:  - Đó là một kết thúc có hậu, thể hiện niềm vui, sự tự hào và tinh thần đoàn kết cộng đồng của người Ê-đê. - Qua kết thúc ấy, người Ê-đê xưa muốn gửi gắm:  + Khát vọng về người anh hùng lí tưởng: dũng cảm, tài giỏi, gắn bó với cộng đồng, đem lại hạnh phúc cho dân làng.  + Khẳng định ước mơ thống nhất, phồn vinh và sức mạnh đoàn kết của buôn làng Tây Nguyên.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 2 ý tác dụng: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý : 0,5 điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **6.0** |
|  | *a.Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* thuyết phục người khác từ bỏ thói quen thức khuya. | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết  Thân bài:  - Biểu hiện của thói quen thức khuya  - Phân tích lí do nên từ bỏ thói quen thức khuya:  + Ảnh hưởng đến học tập.  + Ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần…  - Ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen thức khuya:  + Có sức khỏe; tinh thần học tập tốt hơn  + Làm việc hiệu quả hơn…  - Đề xuất cách từ bỏ thói quen thức khuya:  + Nên đi ngủ lúc 10 giờ hoặc muộn nhất là 11 giờ.  + Tránh sử dụng thiết bị điện tử trên giường ngủ hay bật đèn phòng ngủ  + Giảm căng thẳng trước khi ngủ bằng cách thư giãn cơ thể …  - Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi được thuyết phục.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh trình bày đầy đủ, sâu sắc: 4.5 điểm.*  *- Học sinh trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc:2.5 – 3.5 điểm.*  *- Học sinh trình bày chung chung, chưa rõ: 1.0 – 2.0 điểm* | 4.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.  ***Hướng dẫn chấm***  *- Đáp ứng được 02 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm*  *- Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0,25 điểm* | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |